

Bản án số: 483/2026/HSST

Ngày: 14 - 7 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trục

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Ngọc Huệ;

2. Bà Trương Nhật Hương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Trang –
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Út – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở chính và tại điểm cầu thành phần trại tạm giam Chí Hoà (T30) đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 690/2026/HSST ngày 04 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3933/2026/HSST/QĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Lý Văn Q1; giới tính: nam; sinh ngày 04 tháng 02 năm 1983, tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn A, xã B, huyện C (nay là D), tỉnh Lạng Sơn; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Lý Văn Th (sinh năm 1949) và bà Hoàng Thị L (sinh năm 1950); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2025 – có mặt tại điểm cầu thành phần T30.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Ngọc Tr - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin vắng mặt.

Bị hại: Công ty TNHH N (địa chỉ Quốc lộ A, Phường Z, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường V, thành phố N) – vắng mặt;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH – TMDV Vận tải Vân K, địa chỉ Đường E, phường T, quận Y (nay là phường U), Thành phố Hồ Chí Minh - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Văn Q1 và Nguyễn Văn P cùng làm việc tại Công ty TNHH – TMDV Vận tải Vân K, địa chỉ Đường E, phường T, quận Y (nay là phường U), Thành phố Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ của Q1 là lái xe vận chuyển hàng từ kho hàng đến tất cả các Cảng trên địa bàn Thành Hồ Chí Minh theo sự sắp xếp của Công ty và P được Công ty phân công đi phụ xe cho Q1. Trong quá trình làm việc P và Q1 rủ nhau lấy trộm hàng thủy sản đông lạnh trong thùng Container của các Công ty thuê vận chuyển để đem đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Cụ thể Q1 và P thực hiện các vụ trộm cắp tài sản như sau:

1. Vụ thứ nhất: Ngày 05/7/2007, Công ty TNHH N (địa chỉ Quốc lộ A, Phường Z, thành phố X, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường V, thành phố N) ký hợp đồng mua bán số 125/PN-EXP/xx với Công ty ACanada để xuất khẩu mặt hàng thủy sản tôm sú đông lạnh. Ngày 19/8/2007 Công ty TNHH N thuê xe tải đầu kéo Container biển số 57K-62xx của Công ty TNHH – TMDV Vận tải Vân K do tài xế Lý Văn Q1 và phụ xế Nguyễn Văn P kéo container rỗng có ký hiệu 00LU6138400 từ cảng Cát Lái- Thành phố Hồ Chí Minh về kho chiếu xạ của Công ty TNHH N tại ấp xã E, huyện E1, tỉnh E3 (nay là phường E4, Thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi Công ty đóng lô hàng tôm sú đông lạnh gồm 7.210 thùng các loại, tổng trị giá 171.006,2 USD, niêm phong chì bằng seal số 4588 của hãng tàu biển rồi giao cho Q1 và P lái xe đầu kéo - kéo container vận chuyển về giao cho cảng vụ cảng Cát Lái (không có nhân viên của công ty đi theo để giám sát). Lúc 22 giờ cùng ngày, trên đường vận chuyển hàng, do Q1 đã quan hệ với một số đối tượng trộm cắp từ trước (không rõ lai lịch) nên Q1 và P cho xe container hàng đến bãi đậu xe tại ấp U1, xã U2, huyện U3, tỉnh Bình Dương (nay là phường U4, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại đây, một số đối tượng (khoảng 10 người) dùng đèn pin soi và dùng khoan điện khoan gãy chốt container rồi dùng búa đinh đóng chặt vào trong để mở cánh cửa container (mà không làm hư hỏng niêm phong chì của chủ hàng) để lấy hàng trong container. Sau khi lấy tài sản xong, nhóm người này dùng chốt đóng cửa container lại như cũ rồi Q1 cùng P lái xe đầu kéo có container hàng đến giao cho cảng vụ cảng Cát Lái. Công ty TNHH N lập thủ tục Hải Quan để vận chuyển container sang Canada theo đường biển. Đến ngày 03/10/2007 khi thông quan cảng biển Canada, bên mua hàng kiểm tra phát hiện thiếu số lượng hàng theo hồ sơ xuất khẩu của Công ty TNHH N gồm 1.160 thùng hàng tôm sú đông lạnh, có tổng trị giá là 27.980,1 USD, tương ứng giá đô la Mỹ với tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm ngày 20/8/2007 là 16.229 đồng/USD; tương đương số tiền 454.089.042 đồng.

2. Vụ thứ hai: Ngày 12/7/2007 và ngày 26/7/2007 Công ty TNHH-N ký Hợp đồng mua bán số T7Y 30xx và ký Hợp đồng mua bán số T7Y 30xx với Công ty ONhật Bản để xuất khẩu mặt hàng thủy sản tôm sú đông lạnh, tổng trị giá 02 Hợp đồng xuất khẩu là 122.092 USD. Ngày 20/8/2007 Công ty TNHH N thuê xe tải đầu kéo container biển số 57K-6248 của Công ty TNHH - TMDV Vận tải Vân K do tài xế Lý Văn Q1 và phụ xế Nguyễn Văn P, kéo

container rỗng có ký hiệu WHLU770xxxx từ cảng VIET NAM INTERNATIONAL CONTAINER TERMINALS THANH PHO HO CHI MINH (gọi tắt là VICT) về kho chiếu xạ của Công ty TNHH N tại ấp ấp xã E, huyện E1, tỉnh E3 (nay là phường E4, Thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi công ty đóng lô hàng tôm sú đông lạnh gồm 1.809 thùng các loại tổng trị giá 56.220,68 USD, niêm phong chì bằng seal số WH0711xxxx của hãng tàu biển rồi giao cho Q1 và P lái xe đầu kéo vận chuyển Container giao cho cảng vụ cảng VICT mà không có nhân viên của công ty đi theo để giám sát. Lúc 23 giờ cùng ngày, trên đường vận chuyển hàng về cảng VICT. Q1 vận chuyển container hàng đến bãi đậu xe tại ấp U1, xã U2, huyện U3, tỉnh Bình Dương. Tại đây, một số đối tượng (khoảng gần 10 người) cùng Q1 dùng đèn pin, soi và dùng khoan điện khoan gây chốt container và dùng búa đinh đóng thụt chốt vào trong để mở cánh cửa container mà không làm hư hỏng niêm phong chì của chủ hàng. Sau khi lấy tài sản nhóm người này dùng chốt đóng cửa container lại như cũ, rồi Q1 cùng P lái xe đầu kéo vận chuyển container hàng giao cho cảng vụ cảng VICT. Công ty TNHH N lập thủ tục Hải Quan để vận chuyển container sang Nhật Bản theo đường biển. Đến ngày 30/8/2007 thông quan cảng biển Nhật Bản, khách mua hàng kiểm tra phát hiện thiếu số lượng hàng theo hồ sơ xuất khẩu của Công ty TNHH N gồm 902 thùng (451 kiện), tổng trị giá là 28.593,40 USD tương ứng giá đô la Mỹ với tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm ngày 20/8/2007 là 16.229 đồng/USD, tương đương 464.042.288 đồng.

Ngày 15/11/2007, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” và ngày 28/11/2008 ra Quyết định khởi tố bị can đối với Lý Văn Q1, Nguyễn Văn P, về tội “Trộm cắp tài sản”. Do Q1 và P bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định truy nã.

Ngày 18/5/2009, Nguyễn Văn P đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp cùng với Q1. Vụ án đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử ngày 27/10/2009 và tuyên phạt Nguyễn Văn P 08 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 138 Bộ luật Hình sự (Bản án hình sự sơ thẩm số 3242/2009/HSST).

Ngày 17/8/2025, Lý Văn Q1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đầu thú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tạm giữ đối với Q1 và phục hồi điều tra xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Lý Văn Q1 đã khai nhận cùng Nguyễn Văn P thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản như đã nêu trên và được P chia cho số tiền 40.000.000 đồng. Lời khai của Q1 phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn P, lời khai của các người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ, tài liệu được thu thập trong quá trình điều tra.

Vật chứng thu giữ: không

Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 3242/2009/HSST ngày 27/10/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại bản Cáo trạng số 84/CT-VKS-P2 ngày 01/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lý Văn Q1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa :

Bị cáo Lý Văn Q1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản Cáo trạng. Trong phần tranh luận, bị cáo đồng ý với nội dung bào chữa của Luật sư. Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận: đã luận tội, phân tích vai trò, tính chất, mức độ, động cơ phạm tội của bị cáo Lý Văn Q1, hậu quả xảy ra, các tình tiết giảm nhẹ và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo; Đồng thời, đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: bị cáo Lý Văn Q1 từ 12 đến 14 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lý Văn Q1 có bài bào chữa: đồng ý về tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố, tuy nhiên đề nghị xem xét cho bị cáo các tình tiết có trình độ văn hoá thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế ; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự ; đã đầu thú ; khai báo thành khẩn ăn năn hối cải ; tích cực phối hợp với Cơ quan điều tra ; có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo không áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên để giảm nhẹ hình phạt thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2]. Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Lý Văn Q1 đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng theo nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời

khai nhận của bị cáo phù hợp với lời trình bày của bị hại, phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng, chứng minh làm rõ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Lý Văn Q1 đã cùng Nguyễn Văn P thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH N vào các ngày 19/8/2007 và ngày 20/8/2007 tại bãi đậu xe tại ấp U1, xã U2, huyện U3, tỉnh Bình Dương có tổng trị giá 918.131.330 đồng. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lý Văn Q1 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, xét thấy khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có mức án cao nhất là 20 năm tù nhẹ hơn mức án cáo nhất là chung thân quy định tại khoản 4 Điều 138 nêu trên nên cần áp dụng Quy định tại Điều 7 ; Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì vụ lợi cho cá nhân, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây tác hại xấu đến trật tự an toàn của xã hội. Bị cáo biết rõ hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm, nếu vi phạm sẽ trừng phạt nghiêm khắc nhưng đã xem thường kỷ cương của pháp luật, cố ý phạm tội, bất chấp hậu quả xảy ra. Trong vụ án này, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp *Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên*, đây là tình tiết định khung hình phạt theo điểm a khoản 4 của Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng: tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, tuy nhiên xét thấy 02 lần phạm tội của bị cáo thực hiện đã được cộng lại truy tố xét xử bị cáo với tình tiết tăng nặng định khung theo điểm a khoản 4 Điều 173 là khung hình phạt cao nhất của Điều luật quy định nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nêu trên đối với bị cáo theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ: Xét tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã đầu thú là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6]. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội có thời hạn, nhằm cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 3242/2009/HSST ngày 27/10/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[8]. Về xử lý vật chứng: Xét số tiền 40.000.000 đồng bị cáo được chia hưởng lợi là tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo phải giao nộp để sung ngân sách nhà nước.

[8]. Trên đây cũng là nhận định của Hội đồng xét xử đối với quyết định truy tố, quan điểm luận tội và đề nghị xử phạt của Viện kiểm sát đối với bị cáo, cũng như quan điểm bào chữa của Luật sư cho bị cáo tại phiên tòa.

[9]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 7 ; điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 ; Điều 58 ; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lý Văn Q1 12 (mười hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2025.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

Buộc bị cáo Lý Văn Q1 phải giao nộp số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng do phạm tội mà có để sung ngân sách nhà nước.

Bị cáo Lý Văn Q1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm ngàn) đồng .

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 4, 6, 7, 8 và 36. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- THA DS TP. HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại tạm giam T30; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (2)
- Luật sư; (1)
- THA HS; (1)
- PV06-CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Huỳnh Văn Trục**